

Chim 10

LIÊN HOA

VĂN TẬP

THÁNG MƯỜI ĐINH-DẬU

NĂM THỨ BA SỐ

10



LIÊN-HOÀ

VĂN TẬP

MỤC LỤC SỐ 10

RẼM THÁNG 10 ĐINH-DẬU

THÔNG-ĐIỆP	Đ.B.P.G.V.N.
PHẬT-GIÁO PHÁT TRIỂN	HUYỀN-NGA
NĂM GIỚI	T.T.Á.
NHỮNG HỌC-GIẢ...	THÍCH THIỆN-CHÂU
PHẬT ĐỘ ÔNG SONA-KOLIVISA (mẩu chuyện)	HOÀI-SƠN
CUỘC THẢO LUẬN...	Bác-sĩ AN-LA-CHI
ĐỨC PHẬT DẠY NHỮNG GÌ?	MINH-CHÂU
AI CÙNG TA (Thơ)	NGUYỄN-THÁI
ƯA CÁI ĐẸP	THÍCH-NỮ THỀ-QUÁN
VĂN NHỮNG ĐÊM TRẮNG	THU-GIANG
DANH TỪ PHẬT GIÁO	ĐOAN-HẠNH
TIN TỨC	

THÔNG-ĐIỆP

của Đại-Biểu Phật-Giáo Việt-Nam
công bố trong dịp lễ Phật-đản
tại AI-LAO

THẾ-GIỚI trong một năm nay, câu chuyện nổi nhất là một mặt những khí giới của nguyên tử được công khai đưa ra, mặt khác, những người Phật-Giáo thì nỗ lực biểu dương « đức từ bi » một cách rầm rộ. Chen vào hai sự trạng đó, cũng chính những tai nạn đã xảy và sẽ xảy ra, một cách khủng khiếp, khiến nhân loại phải thấy cái giá trị nổi nhất của « đức từ bi ».

Những người Phật-Giáo chúng ta, ngày nay, không những có cái sứ mạng biểu dương « đức từ bi » mà còn phải làm cho ý chí ấy thành một lực lượng thực sự. Trong cơn kinh hoàng và tranh chấp cuồng loạn, nhân loại sẽ cảm thấy cái chỗ có thể gửi mình chỉ ở lực lượng ấy.

Chúng ta biết rằng đã có và hiện có bao nhiêu người — khốn đốn vì cơm áo, khốn đốn vì viễn ảnh chiến tranh, sau hết, khốn đốn vì sự

tranh chấp cuồng loạn — đang hướng về «đức từ bi» của Phật-giáo, nên chúng ta họp nhau lại đây cũng như ở bao nhiêu nơi khác, tâm tâm muốn nỗ lực đề đáp lại hy vọng của họ. Chúng ta lại tin tưởng một cách cực đoan rằng: chúng ta có thể làm được, vì thế giới loài người đã chứng minh mãi rằng chỉ có cái gì hợp với hy vọng chánh đáng của toàn thể nhân loại, cái đó mới đáng có và có vĩnh viễn.

Với tất cả những điều chúng tôi vừa trình bày trên đây, chúng tôi, Phật-giáo Việt-Nam, đến đây hiến dâng lên Đức Phật, nhân dịp các Ngài tổ chức đại lễ kỷ niệm 2500 ngày Đức Phật giáng sanh, thành đạo và niết bàn.

Trong thế giới Phật-Giáo chúng ta, sự nỗ lực của các ngài, qua những hoạt động thường trực và nhất là qua những sự tổ chức như đại lễ hôm nay, sẽ biểu dương cụ thể lực lượng của «đức từ bi». Chính đó là điều vừa khuyến khích vừa cổ kết thế giới Phật-Giáo chúng ta, trong đó có Phật-Giáo Việt-Nam chúng tôi, để phục vụ nhân loại qua sự phục vụ Chánh pháp.

Xin cầu nguyện cho hết thảy mọi người đều sống hòa bình trong «Đức Từ Bi».

(Thông-diệp này được dịch bằng các thứ tiếng Anh, Pháp, trao tặng đại biểu 18 nước có mặt trong dịp lễ tại Ai-lao).

PHẬT-GIÁO

PHÁT-TRIỂN

NĂM vừa qua, tại Ấn-Độ, nơi sinh của Đức-Phật, các cuộc lễ Phật được cử hành rục rờ hơn mọi năm. Người ta có thể nói rằng Phật-giáo đã trở về quê-hương một cách huy-hoàng sau 2000 năm xa khỏi Ấn-Độ, bởi thời kỳ các vua kế vị Vua A-dục. Ngày 15-5-56 thủ-tướng Ấn-Độ Nehru trong bài diễn-văn khai-mạc lễ Phật-Đản đã tuyên-bố như sau về sự « hồi hương của Phật-giáo »: Thế-giới ngày nay phải chọn lựa một trong hai đường, hoặc là đề bị tiêu-diệt vì tàn bạo; hoặc là tự cứu lấy mình bằng cách thực hành những lời Phật dạy về từ-bi bác-ái và giúp đỡ lẫn nhau.

Trong dịp lễ, nhiều đám rước đã diễn qua các đường phố ở Đê-Li trưng bày những hoạt-cảnh diễn tả lại đời sống của Phật. Nhiều phim và sách về đời sống và giáo-lý của Đức-Phật đã được xuất bản. Chính-Phủ Ấn-Độ đã bỏ ra một ngân-quỹ 10 triệu ru-pi (khoảng 40 triệu bạc Việt-Nam) để sửa sang lại những Phật tích.

Các Đại-biểu các nước Phật-giáo, ngay cả ở Mỹ Châu và Âu-Châu đã đến dự các lễ ở Đè-Li và đi viếng các Phật cảnh. Cũng trong dịp này Ủy-ban Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc đã nhóm đại-hội ở Đè-Li.

Nên nhắc rằng Chánh-Phủ Ấn-Độ đã lấy hình-ảnh 3 con sư-tử trên một trong các cây trụ của Vua A-dục đã trồng lúc xưa dùng làm quốc-hiệu. Trên lá quốc-kỳ của Ấn-độ có hình một bánh xe là một tượng trưng đặc-biệt Phật-giáo. Trong một gian phòng lớn của dinh Thủ-Tướng ở Đè-Li có một tượng lớn của Đức-Phật tỏ rằng tinh-thần hướng-dẫn Chính-Phủ Ấn-Độ chính là tinh-thần Phật-giáo vậy.

Ở Diến-Điện cũng trong năm 1956 nhiều lễ đã được tổ-chức suốt bốn năm ngày đánh dấu buổi bế-mạc hội-nghị kết tập Kinh-tạng lần thứ sáu và đồng thời lễ Phật-Đản 2500.

Thủ-Tướng Diến-Điện U-Nu thường tham thuyền 2 giờ trước đêm tâm, Thủ-Tướng ước vọng mỗi vị Tỳ-kheo (Diến-Điện có hơn 100.000 vị) sẽ trở thành mỗi người hoạt-động xã-hội đặc lực đưa xã-hội Miến-Điện đến chỗ vinh quang phồn thịnh...

Thủ-Tướng U-Nu đã thành thật lợi dụng những lễ lạc mới đây, và nhất là Hội-nghị kết tập Kinh-tạng ở Rangoon, để tìm những giải-pháp trong Phật-giáo, làm dịu không-khí chính-trị của xứ sở Ông.

Nước Thái-lan cũng không kém, đã tổ-chức những buổi lễ long-trọng trong tháng 5-1957. Một số tiền 80 triệu ti-cô (khoảng 480 triệu đồng Việt-Nam) đã được đem dùng vào việc xây dựng một thị-trấn Phật-giáo gần trường học Phật-giáo nổi tiếng Nakhorn Paltiom. Một viện bảo-tàn mỹ-thuật dành riêng cho Phật-giáo cũng được dự trù thành lập. Một đám rước mang theo những hoạt-cảnh về đời sống của Đức-Phật đã diễn hành qua các đường phố Thủ-đô Vọng-

các. Trên sông cũng có đám rước của các thuyền bè. Những chương-trình đặc-biệt về phát-thanh, vô-tuyến truyền-hình, nhạc kịch, đốt pháo bông đã làm cho buổi lễ thêm hào-húng. Cũng trong ngày hôm ấy có 2500 vị xuất-gia được làm lễ chính-thức thành Tỳ-kheo. Người ta đã không giết thú vật trong ngày lễ.

Rất nhiều tượng Phật được đúc để phân phát cho các thị-trấn và các địa-điểm quan yếu khác.

Còn Vua Phumiphol, cũng như phần đông thần dân của Ông, đã xuất-gia trong một thời gian lâu, mặc áo của Tỳ-kheo, đầu cạo trọc chân đi không.

Trong thời gian đó, tại Colombo, thủ-đô Tích-lan có những lễ huy-hoàng: những con voi trang hoàng sặc sỡ, những vũ công đầu đội mũ, hàng vạn ức đèn lồng, những bức tranh khổng lồ về đời sống của đức Phật và 15.000 Tỳ-kheo hòa mình với dân chúng.

Ở Cao Mên, Ai Lao, những buổi lễ tương tự như thế đã làm Phật-giáo trỗi dậy. Ngay ở Việt-Nam những lễ trọng thể đã nhắc nhở dân chúng biết Phật-giáo được tổ chức lại và đang lo tu bổ những chùa chiền...

HUYỀN - NGA dịch

Tạp-chi Missi số 38 xuất-bản tại Pháp.

ĐÍNH - CHÍNH :

Vì một sự vô ý của ấn-công, LIÊN-HOÀ số 8, trong bài NHỮNG ĐÊM TRĂNG, trang 23, dòng 19 có sót từ chính của lòng tôi « , hé cho tôi thấy một phần nào ý nghĩa của cuộc đời, mà những nơi khác tôi không » ... Ngoài ra, cũng ở bài này có những chữ dư và thiếu, xin quý vị độc giả lượng thứ và tự chữa giúp cho.

T. S.

PHẬT-PHÁP PHỒ-THÔNG

NĂM GIỚI

I. — ĐỊNH NGHĨA. — Giới là phòng bị răn cấm ngăn-ngừa. Năm giới là năm điều Phật chế để đối trị và ngăn ngừa những hành-dộng không thiện, những ý tưởng phi pháp (phòng phi chi ác). Giới lại có nghĩa biệt biệt giải-thoát: không phạm một điều luật tức giải-thoát được một hình ngục và hưởng thọ được công-đức.

II. — CÔNG NĂNG CỦA GIỚI. — Giới là căn bản của định và huệ, thiếu giới, định huệ không phát triển và Phật-quả không viên thành, như thiếu một nét ngang, thì hình ba góc không thành. Giới lại là ngọc ma-ni trang sức pháp-thân huệ-mạng, và cũng là hàng rào sắt ngăn cản tội lỗi.

III. — SỰ QUAN - HỆ CỦA NĂM GIỚI. — Năm giới là cấp bậc đầu tiên của con người trong khi hướng về đường thiện. Muốn bảo-tồn nhưn cách, duy thì đức hạnh đề xứng đáng với danh nghĩa làm người, cũng phải vâng giữ 5 giới. Năm giới lại là cơ sở của đạo giác-ngộ và giải-thoát và năm giới này là chính do đức Phật thân chế ra.

IV.— HÀNH TƯỚNG NĂM GIỚI. — Năm giới là không sát sanh, không trộm cắp, không vọng-ngữ, không tà dâm, và không uống rượu.

A.— KHÔNG SÁT SANH — Không cắt đứt mạng sống của những động-vật có trí-giác cảm thọ, khác với thực-vật và khoáng-vật, nghĩa là không cố ý khởi tâm giết hại sinh vật, dù nhỏ nhiệm như côn trùng.

1) Phương-tiện giết hại: a) *Tự mình giết*, chú tâm và tự thân giết hại chứ không phải vô ý giết lầm.

b) *Bảo người giết*: Dùng uy-lực lời nói sai bảo khuyến-khích kẻ khác giết hại.

c) *Thấy giết tùy hỷ*: thấy người giết hại, sanh tâm tùy hỷ tán-thành, không thương xót can-gián.

2) Lý-do Phật cấm sát hại: a) *tôn trọng sự sống*: Sinh vật đều hình thể khác nhau, nhưng sự sống chỉ một, nên không được sát hại.

b) *Đồng-thề*: tất cả chúng-sanh đều tham sống sợ chết như nhau lại đều cùng chung một bản-thể nên không được sát hại.

c) *Hiếu-niệm*: chúng - sanh chưa thoát khỏi luân hồi, nên có thể đầu thai trong ba đường dữ; muốn khỏi giết lầm thân-nhân nên Phật cấm sát hại.

d) *Quả-báo*: sát hại người, sẽ bị kẻ khác sát hại lại.

3) Ích-lợi của giới không sát: a) *an vui*: không sát hại, đời này tâm-hồn được an vui không ăn-năn không hối-hận,

b) *Sống lâu*: Đời này và đời sau được sống lâu, thân-thể tráng-khỏe: ít tật bệnh, khỏi nạn đao binh, được mọi người yêu mến.

c) *Từ-bi*: thọ trì giới không sát, tức là thật-hành được một phần lòng từ-bi không giới hạn của đức Phật.

4) *Thật hành giới không sát*: Không sát hại chưa đủ. Phật-tử cần phải dùng mọi phương tiện khôn - khéo để trả lại quyền sống, quyền

tự-do cho muôn loài khỏi bàn tay sát-phạt của người. Ăn chay là phương tiện để thực hiện tình thương cao rộng ấy.

B.—KHÔNG TRỘM CẤP. — Nghĩa là tất cả mọi vật trong thế gian dù quý báu như vàng ngọc, hay nhỏ-nhiệm như cây kim ngọn cỏ, Phật-tử không được mạnh-tâm lấy dùng, khi chủ-nhân không bằng lòng hay vắng mặt.

1) Hành-tướng trộm cấp: a) *Đoạt-thủ*: dùng uy thế sức mạnh chiếm-đoạt tư hữu của người.

b) *Thiết-thủ*: dùng mách khéo quý quyết trộm cắp của người.

c) *Trá-thủ*: dùng phương-chước điều-ngoạ dối gạt người. Cho đến bất cứ dùng phương-thức nào, chiếm đoạt tư-hữu của người một cách máy móc phi pháp, tức phạm tội này, cho đến trốn thuế trốn dò cũng vậy.

2) Lý do Phật cấm trộm cắp: a) *tôn-trọng tư-hữu*: của cải tư hữu là vật không nên xâm-phạm của người, nên Phật cấm không được tự-tiện lấy dùng.

b) *Diệt trừ tham dục*: tham lam là sợi giây gút chặt chúng-sanh trong đau khổ. Muốn thoát-ly cần phải diệt trừ tham lam.

c) *Tương-quan sinh-tồn*: « Đức Phật dạy tất cả mọi loài chúng-sanh đều chung cùng một bản thể. Nếu ta đem người vào cảnh lâm than sầu hận, tức tự gieo mình vào đau khổ thất vọng ».

3) Lợi-ích của giới không trộm cắp: a) *Hiệu-quả*: không gian tham trộm cắp thì đời được tự-do, không hồi hộp lo sợ.

b) *Hậu quả*: đời sau được giàu sang đầy đủ; mọi người tín nhiệm không bị lường gạt.

c) *Trực-tâm*: đối lại với gian-tham là trực-tâm. Đạo Phật là chánh đạo, nên người tu-hành cần phải có trực-tâm.

4) Phương tiện thật hành giới trộm cắp: Hoài bảo cao quý của đạo Phật là nâng cao đường sinh-hoạt của xã-hội, cả tinh thần lẫn vật

chất bằng phương-tiện tài thí và pháp-thí. Muốn hoàn thành giới không trộm cắp, Phật tử cần phải bố-thí.

C. - KHÔNG TÀ - DÂM: Không được sống đời sống hoang-dàng trác-táng ăn chơi. Kinh có câu: Cội gốc đường sanh-tử, dâm-dục là thứ nhứt. Vì thế nên kẻ xuất-gia nguyện đoạn tận gốc nguồn. Riêng về hạng tại-gia vì nghiệp-duyên và hoàn-cảnh, nên Phật cho tùy nguyện, nhưng triệt-đề không được hành dâm trái với luân-thường chánh-đạo.

1) Phương-tiện thực-hành tà-dâm: a) *Thân*: sống trác-táng ăn chơi, đọc xem các tranh ảnh sách báo nói về tà-dục.

b) *Miệng*: nói những lời tà dục bất-chánh.

c) *Ý*: ý nghĩ việc tà dục trái luân-thường đạo-lý.

2) Lợi-ích giữ Tiết-dục: a) *Tiết-dục*: chỉ có tiết dục, thân-thề mới điều hòa, tâm hồn mới trong trắng, và do thế nên có thể siêng-năng tinh-tấn đạo nghiệp,

b) *Giải-thoát triền-phược*: Tà-dục là sợi giây ràng buộc ta vào sanh tử, không tà-dục tức đã cắt đứt được một phần nào sợi giây ấy.

c) *Phạm hạnh*: không tà-dục tức tiến tới tịnh hạnh.

3) Lợi-ích của giới không tà-dâm: a) *Hiệu quả*: nếu không tà-dâm thì được người kính trọng tín cần, và thân thề cường tráng.

b) *Hậu-quả*: đời sau sẽ được sanh lên những cảnh giới thanh-tịnh, khỏi bị đọa-dày.

c) *Thanh-tịnh*: có thanh tịnh mới mong khỏi nhiễm-ô, trừ tà dục là phương tiện thực-hành thanh-tịnh của chư Phật.

D. - KHÔNG VỌNG - NGŨ: Không nói dối, nghĩa là không phỉnh gạt lừa dối người; trái lại bao giờ cũng nói lời ngay thẳng thật-thà.

1) Hành-tướng của vọng ngữ: *vọng ngôn*: Lấy trái nói phải lấy phải nói trái, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, v.v.

b) *Ý-ngữ*: dùng lời nói hoa-my để xuyên tạc sự thật và kêu gọi lòng tham dục của người.

c) *Ác-khâu*: nói lời thô lỗ ác độc như măng chươi người vân vân.

d) *Hai lưỡi*: đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, khiến hai bên thù hằn ghét bỏ nhau. Tất cả những lời nói có hại mình và hại người ở hiện tại và tương lai, đều phạm tội vọng-ngữ. Trừ khi nói chơi hay vì lợi người mà nói thì không phạm.

2) Sự nguy hại của vọng-ngữ: a) *Hại của vọng-ngôn*, vì nói dối nên không thấy được sự thật, làm ngăn che tình yêu và trí-giác của người và mình.

b) *Hại của ý-ngữ*: mê hoặc lòng người.

c) *Hại của nói hai lưỡi*: gia-đình tan nát, thân thích thù ghét nhau.

d) *Hại của ác-khâu*: làm người đau khổ tức-tối uất-ức.

3) Lợi ích của giới không vọng-ngữ: a) *hiệu-quả*: được mọi người tín thọ thương yêu.

b) *Hậu-quả*: đời sau được tướng lưỡi viên-mãn.

c) *Hoan-hỷ*: không nói lừa dối người, thì được vui vẻ hòa thuận và tâm-hồn mình cũng khỏi thắc mắc hối-hận.

4) *Thật hành giới không vọng ngữ*: Không nói dối là việc đáng quý, nhưng Phật tử cần phải dùng những lời chân-ngôn thực ngữ (pháp thí) để giảng dạy cho người, mong đem họ về con đường chánh, con đường giác ngộ hạnh-phúc của đức Phật.

Đ. — KHÔNG UỐNG RƯỢU: Rượu là một thứ làm con người ngu-si tối tăm, hôn ám, mê say, cuồng loạn, nên đức Phật chế cấm không được uống rượu.

1) *Tai hại của rượu*: người uống rượu nhiều thì tâm thần rối loạn, ý niệm điên-đảo, và thân thể hư mòn tiêu tụy. Rượu là một thứ diệt mất giống trí-huệ và mở đường cho tất cả tội-lỗi.

2) *Trường-hợp có thể uống*: Nếu có bệnh, thầy thuốc bảo dùng thì được uống, nhưng không uống nhiều và dùng dùng những thứ say người

Ngoài ra không được vô cớ tự dùng, cho đến cũng không được mời người uống rượu, không được gửi rượu và không được bán rượu.

3) Lợi-ích của giới không uống rượu: a) *Bình tĩnh*: Không cuồng say tức là bình tĩnh. Không uống rượu là phương-tiện làm lòng người bình tĩnh và lạc-quan.

a) *Hiện quả*: Khi bị người khác chê cười.

b) *Hậu quả*: Đời sau khỏi đọa lạc vào nơi tối tăm thiếu ánh sáng Phật-pháp.

d) *Trí-huệ*: Không uống rượu chính là đề khai phá và làm tăng-trưởng ánh sáng trí-huệ, Phật-tử thiết-hành giới này, tức là sống đúng với hạnh trí huệ của chư Phật.

Tóm lại bốn giới đầu thuộc về *tánh giới* nghĩa là đức Phật có cấm hay không, hề đã phạm thì mất tội. Còn giới sau thuộc về *già giới*, vì muốn phòng ngừa các tội nên Phật chế giới này. Cho nên hề phạm tức là trái với lời Phật dạy.

V. — CÁCH THỨC GIỮ GIỚI: Chúng ta đã thấy giới là nền tảng của giải thoát và giác ngộ, cho nên muốn thân chứng Phật quả cần giữ giới. Nhưng muốn giữ giới cho có kết quả cần phải hiểu cách thức giữ giới.

A. — CẦN PHẢI HIỂU RÕ NGHĨA CỦA GIỚI: Chúng ta cần phải hiểu rằng:

1) *Giới là nguồn gốc*, là nền tảng của giác ngộ, của giải thoát. Không có giới thì không thể nào giác ngộ, không thể nào giải thoát được.

2) *Giữ giới chỉ là một cử chỉ tùy nguyện*: tùy theo khả năng của mình. có thể giữ nhiều ít, nhưng đã nguyện giữ thì phải triệt để tuân hành.

3) *Giới là chính thân Đức Phật chế ra*: các vị bồ-tát, các vị Tỳ-sư cũng không có quyền chế giới. Đức Phật căn cứ nơi tự tánh

thanh tịnh của chúng sanh và căn cứ nơi tánh-tĩnh căn-cơ của chúng sanh mà chế giới.

4) *Giới có năng lực giải thoát và giác ngộ rất mạnh* : Tự thề của giới đã là một sức mạnh vô song rồi, mà người giữ giới cần phải có đại hùng đại lực mới giữ nổi ; và vì vậy một người giữ giới tự thân tiềm tàng những sức mạnh vô hình làm mọi người đều cảm phục.

5) *Cần phải hiểu rõ ý nghĩa lễ truyền giới và hành tướng của các giới để hành trì*

B. — CẦN PHẢI THÀNH THẬT : Mình tự thành thật với chính mình. Có phạm hay không tự mình biết rõ. Có phạm không được ăn tàng, cũng không được đồ lỗi, tự che chở, tự tha thứ.

C. — PHẢI CƯƠNG - QUYẾT HÀNH - TRÌ : Đã nguyện giữ giới thời phải cương quyết hành trì dầu gặp những trở lực lớn mấy cũng không phể bỏ. Nếu tự sức không thể giữ được, thì có thể xin làm lễ giữ bớt giới lại ; đều cần thiết là đã nguyện giữ, thời phải cương quyết giữ.

D. — PHẢI BIẾT LƯỢNG SỨC MÌNH : Tự mình phải biết lượng sức mình, giữ được giới nào thì nguyện giữ giới ấy, không được nhắm mắt thọ giới một cách mù quáng vô ý thức.

Đ. — PHẢI BIẾT SÁM - HỐI : Khi nào phạm giới, thì nên đứng trước Tam bảo hoặc vi Bồn-sur của mình mà phát lộ sám-hối, chớ có ăn tàng lừa mình, lừa người.

VI. — KẾT LUẬN : Chúng ta đã thấy rõ giới là căn bản của giải-thoát và giác ngộ : những ai đã phát nguyện tiến mạnh trên đường đạo, cần phải hành-trì giới luật, và cương quyết giữ 5 giới, không vì một trở lực gì mà thối thất. Có vậy chúng ta mới hiểu đúng chánh nghĩa của chữ giới và mới nhận thấy người giữ giới là người cương quyết nhiều nghị-lực nhất, và được thấy mình một ngày một tiến trên đường Đạo.

CÁC HỌC-GIẢ TRÚ'-DANH PHÊ - BÌNH PHẬT - GIÁO

THIỆN CHÂU trích dịch

Đạo Phật được truyền bá khắp hoàn cầu không phải nhờ súng đạn khói lửa, cũng không phải nhờ một sự áp bức khủng bố tàn sát nào. Đạo Phật được truyền rộng khắp nơi, chỉ nhờ giá trị chân thật của đạo Phật và nhờ tinh thần vô thượng của lời Phật dạy.

Đội đức: JADISH KASYAPA.

Trong quyển Le Dharma du Boudha

Trong tất cả các nhà sáng lập Tôn-giáo, chỉ có một mình đức Phật là lập thuyết mình trên nhân bản, bắt gốc từ con người; các giáo-lý khác thì hoặc bắt gốc từ các vị thần hoặc do thần linh mách bảo hay biểu-hiệu ra.

Đội đức: W. RAHULA

Tiến-sĩ văn chương.


Phật-Giáo căn cứ theo thực-tế hơn các thần giáo trăm phần. Phật-Giáo là kết quả của sự nhận xét khách-quan và vô tư về vấn-đề nhân-sanh-quan. Tôn-giáo ấy bác bỏ lý thuyết Tạo-vật chủ, lý-thuyết lễ-bái, cầu xin và phép tu khổ hạnh: « không bao giờ dạy một giáo-lý độc-tài, áp chế, dẫu dối với tăng chúng cũng vậy. Tôn-giáo ấy lại cũng không tranh đấu chống tư-tưởng người khác. Giáo lý đạo Phật chỉ dạy cách tranh đấu chống tham, sân, si »

Triết-giáo: NIETZSCHE

Người Đức.

Phật độ Ông

SONA-KOLIVISA

 SAU khi đạt được quả vị võ thượng Bồ-đề, đức Thế Tôn du - hành khắp đó đây để hóa - độ chúng sanh. Một hôm Ngài đang thuyết-pháp cho các hàng quần thần và dân chúng nước Ma-Kiệt-Đà trên đỉnh núi Kỳ-xà-Quật tại thành Radjagaha (vương-xá). Lúc bấy giờ trong chúng hội có một vị Trưởng giả thuộc giòng Sát-đế-lợi (vua chúa) sau khi lãnh-hội được những lời vàng ngọc của đức Thế-Tôn, nên đứng dậy đảnh lễ và cầu Phật thấu nhận vào hàng xuất-gia để tu-học.

Đức Thế-tôn biết rõ SoNa là người có đầy đủ thiện-căn

đáng độ, nên Ngài nhận lời thỉnh cầu.

Ông SoNa vui mừng vô cùng, vì đã được như ý muốn. Nhưng sau khi nhập chúng tu học được vài hôm, ông lại xin đức Thế-Tôn được phép vào rừng Sitavana để tu tập thuyên định.

Muốn chóng đoạt được sự hiệu tài vô ngại, thần thông diệu lực như ngài Văn-thù Mục-Kiền-Liên và đức Thế-Tôn... nên ông SoNa không sờn khó nhọc, ngày đêm đi kinh hành trên những khoảng đường đầy chông gai hiểm trở. Đến nỗi hai bắp chân bị sưng

lên và bàn chân đầy máu mủ. Vì quá đau nhức không thể đi được, ông tìm đến bên gốc cây thanh vắng ngồi quán-tưởng.

Trong khung cảnh vắng lặng, bỗng nhiên ông SoNa phát khởi vọng niệm nhằm chán việc tu hành, ông tự nghĩ: «Ta là người giàu có sang trọng, nay đã hy-sinh tất cả tài sản quyến thuộc, để làm đệ tử đức Phật. Từ khi vào đạo đến nay, ta luôn luôn nỗ lực tu hành mong cầu chánh đạo để đoạn trừ phiền não. Nhưng tâm trí vẫn bị phiền não khuấy rày, lại nay mang thêm nỗi khổ vào thân. Vậy chi bằng ta trở về để tận-hưởng hạnh phúc gia đình còn hơn».

Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn đang ở trong tinh xá trên núi Kỳ-xà-Quật, Ngài cảm thương ông SoNa vì lạc hướng tu hành, nên sanh ra những ý nghĩ thối khuất trên bước đường hành đạo. Ngài liền dùng thần thông đi vào rừng Sitavana đến bên ông SoNa Ngài liền hỏi:

«Chân ông vì sao thế?»

«Bạch đức Thế-Tôn! vì con đã đi kinh hành suốt ngày đêm».

«Có phải khi ngồi quán-tưởng SoNa đã khởi lên vọng niệm, muốn trở về sống với gia đình phải không?»

Ông SoNa nghe đức Thế-Tôn hỏi đúng ý nghĩ của mình, sanh lòng sợ hãi, nhưng không dám che dấu, nên cúi đầu đánh lễ đức Thế-Tôn và thưa:

«Bạch đức Thế-Tôn! con đã có những ý nghĩ như lời Ngài đã dạy».

— Này SoNa! Ta nghe khi người còn ở nhà là một người khảm đàn rất giỏi phải không?

«Bạch đức Thế-Tôn con có biết nghề ấy».

— Nếu trong khi dùng đàn Người lên giây quá thẳng thì tiếng đàn có thanh tao và ăn nhịp với giọng ca ngâm không?

— Bạch đức Thế-Tôn, không thể được.

— Nếu SoNa thả giây quá dẹt, thì tiếng đàn có thanh

tao và ăn nhịp với dòng ca
ngâm hay không ?

— Bạch đức Thế-Tôn, không
được.

— Nếu người lên giây vừa
vừa, nghĩa là không quá
thẳng, không dục, thì tiếng
đàn sẽ như thế nào ?

— Bạch đức Thế-Tôn! nếu
biết chọn giây như thế, thì
tiếng đàn rất thanh tao và
ăn nhịp với giọng ca ngâm.

— Này SoNa! đạo ta cũng
như thế. Nếu người nào quá
bôn chôn, cố gắng quá năng
lực, hủy hoại thân thể, để
làm theo vọng tâm của mình,
thì người đó chỉ đem lại khổ
tâm, cực xác mà thôi, chứ
không bỏ ích cho vấn đề tu
tập. Điều này ta đã nhận
định một cách rõ ràng sau
khi đã trải qua sáu năm khổ
hạnh trên tuyết lãnh.

Trái lại, có những kẻ lười
biếng, hờ hững trong công
việc tu tập, sống trôi qua
tháng ngày. Những người đó
chỉ mang lấy kết quả đau
khổ, xấu xa vào thân mà thôi.

SoNa, không những phương
pháp tu hành của Như - Lai,
mà tất cả sự việc ở đời cũng
đều như thế cả. Vậy Như-Lai
khuyên SoNa hãy quay về
với sơ niệm và tuyệt đối tránh
xa hai thứ cực đoan trên,
y theo phương pháp Trung-
Đạo của mười phương ba đời
các đức Phật đã tu hành.
Nghĩa là Không tu theo lối
ép xác khổ hạnh như hàng
ngoại đạo, hay lười biếng dẽ
dãi như những người thả trôi
đời sống qua tháng ngày...

Được lãnh thọ những lời
giáo huấn vàng ngọc, ông
SoNa cảm thấy trong lòng
mình tràn ngập một nỗi vui
mừng, đánh lễ đức Thế-Tôn và
nguyện vâng theo phương
pháp giáo huấn.

Từ đây trở đi, SoNa y theo
phương pháp của đức Thế-Tôn
đã giáo huấn mà hành đạo,
trải qua thời gian chẳng bao
lâu, ông liền chứng quả vị
A-La-Hán.

Nha-trang Mùa Đông 57

HOÀI-SƠN

CUỘC THẢO LUẬN

CỦA

Các Bác-sĩ ở Luân-đôn

Bác-sĩ AN-LA-CHI thuật
Đ. T. dịch

II.— Con đường thoát tục

(tiếp theo)

Đáp lời thỉnh vấn của Bác-sĩ Ôn-Đặc thức-lợi-Văn, Bác-sĩ Bá-khắc Sum nói: Hay quá! câu hỏi của Bác-sĩ Ôn-Đặc thức-lợi-Văn có thể nói là đã hiểu trước tâm lý tôi, tôi về nước chuyến này vẫn phát nguyện đem chánh pháp tôi sở đắc trong lúc đông du truyền lại đồng bào nước ta, rồi hoằng dương khắp Âu Mỹ, để cho ai nấy đều được vui thú cái đạo vô thượng chân chánh. Trước lúc tôi chưa đông du, tôi thường mon men học Phạn văn của Ấn-Độ và Ba-ly văn của Nam Ấn, lúc bước chân lên đất Ấn thì tôi quyết lòng, kiên chí nghiên cứu hơn một năm, do đó tôi đã đọc rất nhiều sách sử, điển tịch của Ấn độ xưa cũng như nay, và tôi đã thấy rõ sách các phái triết học Trú-phệ-đà, Số-luận, Ly-hệ-thắng luận, Phệ-đàn-đà, là những kinh điển của cổ giáo Bà-la-môn và cuối cùng tôi tìm đến các tạng của Phật giáo. Ban đầu tôi đem các giáo lý trên so sánh với những lý thuyết

Triết học, khoa học vật chất của Châu-âu ta, thì thấy một sự chống chọi không thể ăn nhip được ; rồi tôi lại đem tư tưởng của học lý tôi ngày trước ra so sánh và phân tích, lần lần tôi đã mất lòng tự tin, sau một thời gian nền móng tư tưởng Duy-vật luận của tôi đã xây đắp, bị hoàn toàn sụp đổ. Lúc ấy tôi rất hoang mang mờ mịt, muốn tìm ngay ra chỗ để giữ vững thân tâm, liền đó tôi đem những tư tưởng Triết học Tôn giáo xưa nay Đông cũng như Tây, suy xét lựa chọn hết sức kỹ càn ; rồi cuộc tôi tìm thấy chỉ có Phật-giáo là chỗ qui-y rất ổn thỏa và vững chắc nhất.

Dùng một dây lát Bác sĩ lại tiếp : lúc đầu tôi đến Ấn-độ, căn cứ vào tư tưởng cũ xưa cho ta là văn minh, họ là dã man, ta là chủ-nhân họ là nô-lệ ; lại thấy người họ về vấn-đề phát triển cơ khí, thương mại v.v... đều vụng về, không bằng người ở xứ ta, nên tôi khinh dể chủng tộc họ như một đàn kiến ; mặc dầu học tập văn tự, ngôn ngữ của họ, nhưng thường có quan niệm không thêm bạn bè với họ. Lâu dần, tôi lại cảm thấy tâm tánh họ hiền từ, vui vẻ, yên lặng, khoan hồng, có những điều người nước ta dù văn minh cũng không theo kịp, do đó tôi sinh lòng mến cảm, và thích tới lui giao tiếp với họ. Tỉnh thoảng tôi lại đi du ngoạn các núi rừng vắng vẻ, gặp những người tu hành khổ hạnh, áo chằng che thân, cơm không no dạ, thế mà xét đến nội cảnh của họ thì lại thấy sức lực khỏe mạnh, thần ý an vui. những điều ấy người Âu chúng ta vì hằng ngày tâm bị ngoại cảnh vật chất phiền nhiễu, nên không thể có được. Có một vài vị Trưởng-lão thường khi ngồi yên nhắm mắt đến vài tháng không ăn, không đi, không lại, không nằm, không dậy, mà môn đồ hàng trăm người cứ đến đánh lễ trước Trưởng-lão. Trong vài tháng hoặc vài năm, người ta được thấy Trưởng-lão nở một nụ cười hay dương mắt nhìn ra người nào, là người ấy ngộ đạo, cũng là một sự thường không quá lạ vậy. Tôi thấy những sự lạ, nên mang

lượng thực ra đi, quan sát hơn một tháng, tôi tự thấy cái tập quán kiêu căng mà tôi đã đem lại từ Âu-châu đã tiêu tan mất lúc nào mà chính tôi cũng không biết. Tôi lại thường hay đi sâu vào núi Linh-thứu (nơi đức Phật xưa kia thường thuyết pháp) du ngoạn, một hôm gặp một ông già, tôi tới gần trò chuyện, ông vui vẻ tiếp tôi, và ông già bảo tôi rằng: « Các học-giã Âu-châu của ông bụng nhỏ mà lượng hẹp, cứ đóng kín học thuật của mình không truyền cho người Ấn, ý họ muốn cấm-cổ trí tuệ và linh tư người Ấn, làm cho giống nòi tiêu diệt, họ đâu biết kho tàng tri-huệ người Ấn lại dồi dào xấp ngàn muôn lần tư tưởng học-thuật của Châu-âu, học không bao giờ hết, dùng không bao giờ cùng. Người nước Anh muốn ngu dân để diệt chủng, chỉ là một việc chiêm bao thôi! Ngày nay tôi muốn đưa ông đi chơi một nơi mà người ta không hề đến được, để mở rộng tầm mắt cho ông, ông có vui lòng không? »

Tôi gật đầu tỏ vẻ bằng lòng, ông già đưa tôi vào sâu trong núi cao, đến một chỗ đá như vách đứng, ông già vỗ tay vào vách đá 3 cái, thì tự nhiên một bức cửa lớn mở ra, nhòm vào trong tối như mực, ông già dắt tôi đi vào, tôi vì lòng hiếu kỳ say sưa, nên mạo hiểm lần theo, chỉ vài bước đã thấy ánh sáng mát dịu thấm đến phổi gan, thật không khi nào tâm trí tôi khoan khoái bằng, tôi đang ngạc nhiên nhìn quanh, thì một tiếng đánh rầm, ngó lui lại cửa vào hồi nãy đã đóng. Tuy hơi lo nhưng tôi vẫn đi theo ông già, đi độ một dặm, đến một nơi rộng rãi sạch sẽ, như một biệt thự vĩ đại, không biết đến đâu là cùng, bao nhiêu tầng bậc, cột kèo, cửa lớn, cửa nhỏ giương ghế, đều làm bằng mọi thứ đá quý báu sáng ánh, kiêu thức thì toàn các thứ mà đời tôi chưa từng thấy, còn như cách tinh xảo về điêu khắc và chế tạo thì thật là không phải sức người mà làm nổi. Trong nhà có một kho sách rất dồi dào, trang sức với nhiều vàng ngọc quý đẹp, sờ đến thấy êm dịu khác thường, không thể tả được. Tôi thử

dở xem, thấy bộ thi luận về thiên - tượng; bộ luận về địa thể; bộ luận về lẽ sanh hóa của vũ trụ nhân sanh; bộ luận về thần-thức linh-tánh hằng còn không mất, biến hóa vô thường, bộ dạy cách tập luyện tu chứng; bộ nào cũng sâu sắc huyền vi mà lại thích ứng với thực tế.

Nếu đem những sự nghiệp to tát vài trăm năm nay Châu-âu ta cho là thành công trên nền học thuật, mà so với kho sách này, thì cũng vi như đem lửa đóm đóm mà để dưới ánh mặt trời vậy.

Lạ nhất là ánh sáng trong ấy từ chỗ nào chiếu đến, mà khiến tôi cảm thấy trong người có sự vui sướng nhẹ nhàn không thể nói ra được. Ông già hình như hiểu cái tâm niệm của tôi như thế, ông bảo rằng : « Ông còn ngờ gì nữa, trong này là cõi tịnh - độ của tôi, ánh sáng trong ấy cũng tự trong mình tôi tỏa ra đó thôi. Ông với tôi kiếp trước có duyên thầy trò, tôi biết ông cơ-duyen đã tới, kiếp này được chứng quả, nên đưa ông đến đây để mở lòng tin cho ông, bây giờ thì ông nên đi ra ». Nói xong, ông già đưa tôi đi đến cửa, tự nhiên cửa mở, ra cửa rồi tôi kính cẩn xin hỏi danh hiệu của ông già, thì ông bảo : « Ông hãy đến đô thành Ngưỡng-Quang (nước Miến - điện), tới trước Đại - Kim - Tháp, tự ông thệ nguyện xuất gia, mặt y phục Sa-môn, làm hạnh đệ-tử đức Thích-Ca, rồi ông sẽ tự biết, và còn có cơ hội gặp tôi nữa » Nói xong, ông đã biến mất không thấy nữa, tôi mới tỉnh ngộ rằng, ông già ấy là một vị đệ tử của Phật.

Ấu-châu ta tuy đã đến chỗ cực điểm về văn minh vật chất, nhưng đem so với chỗ thần-linh kỳ-diệu này của Ấn-độ, Ấu-châu thật không thể so lường được.

Bác-sĩ Bá khắc-Sum lại tiếp : Tôi ở Ấn-độ lúc ấy đã ba năm rồi, vâng lời dạy của ông già núi Linh-Thửu, đến Ngưỡng-Quang lễ bái Đại-Kim-Phật-tháp, tôi quý và phát nguyện rằng : « Bá-khắc-Sum này, bắt đầu từ ngày nay quy-y theo Phật, không bao giờ qui-y theo Thiên-Thần

quỷ-vật; Bá-khắc-Sum này bắt đầu từ ngày nay quy theo Pháp, không bao giờ theo ngoại đạo, và theo thuyết khác; Bá-khắc-Sum này bắt đầu từ ngày nay quy theo Tăng, không bao giờ theo ác-hữu, tà-dang» Tôi lại tự thề rằng: «kể từ ngày nay cho đến khi thọ chung tôi không sát sanh; không trộm cắp; không Dâm dục; không Nói dối; không uống dùng chất loạn tánh như rượu; thường đi khát thực; ngày không ăn hai bữa, chỉ ngồi chừ không nằm, không để râu tóc. Thề xong, tôi hướng về núi Liah Thừ lạy ông già làm thầy; cạo râu, cắt tóc, đầu trần, chân không; mặc áo thầy tu, cầm-bình bát; gần trưa thì vào làng vào chợ khát thực; sanh hoạt theo lối ngồi yên trong rừng núi; tin niệm như quả, giữ gìn giới hạnh, tu tập thuyên định quán tưởng.

Các Bác sĩ ơi! tôi nay trong lúc thuyên định đã chứng được quả «Tu đà hoàn» được thầy tôi ấn chứng thọ ký, và bảo tôi tinh cần tu học, không bao lâu nữa sẽ chứng được quả «A-La-Hán» và tôi cũng được biết thầy tôi là một đại đệ tử của đức Phật Thích-Ca, tên Ngài là Đại-ca-Điếp Tôn già. Nay vì thương xót đồng bào ở Châu-Âu ta chỉ trau dồi thế trí ở ngoài mà không có tâm sáng suốt ở trong, không khỏi bị xiềng xích theo trào lưu biến chuyển của sự vật; nên tôi trở về đất cũ có ý cầu mong những người trí tuệ nhân đồng, đều được tiêu dao trên con đường vô thượng chân-chánh, vì tôi không bao lâu nữa sẽ trở về cõi Tịnh-độ của thầy tôi. Bấy nhiêu đó là quảng đường tôi đã bước qua trong lúc đồng du, và chánh-đạo tôi cũng đã học được trong thời gian ấy. Tôi nay đã là một giáo-đồ nhà Phật, không nên dùng danh từ của Bác sĩ mà xưng hô và xin chỉ gọi tôi là Tỳ-khưu Bá-khắc-Sum là đủ rồi.

Bác sĩ Bá-khắc-Sum tường thuật xong, những người trong hội trường đều sanh nhiều tư tưởng khác nhau: có người cảm động phát lòng tin tưởng; có người hoài nghi suy nghĩ; có người bất bằng muốn đứng lên biện bác.

(còn nữa)

**ĐỨC PHẬT DẠY NHỮNG GÌ
và không dạy những gì
HAY LÀ KINH CÙLA MÀLUNKYA SUTTA**

Đại đức Cùla Málunkyaputta, một hôm trong khi tu hành thanh tịnh vắng vẻ bỗng nghĩ rằng: Đức Thế Tôn có bỏ qua không trả lời những vấn đề sau này: « Thế giới là thường còn hay không thường còn, thế giới là vô biên hay hữu biên? thân thể với sự sống là một hay không phải một; sau khi mất rồi, đức Như-Lai còn tồn tại hay không tồn tại, cũng tồn tại và cũng không tồn tại hay cũng không tồn tại cũng không không tồn-tại » Đại Đức tự thấy bản khoán không được vui, vì đức Phật không trả lời vấn đề này, nên Đại-Đức liền đến đánh lễ yết kiến Phật, yêu cầu Ngài trả lời dứt khoát những vấn đề trên, và Đại-Đức nói thêm, nếu Đức Phật, trả lời dứt khoát thì Đại đức sẽ hoan hỷ ở lại tu hành trong đạo Ngài, còn nếu đức Phật trả lời không dứt khoát thì Đại Đức sẽ không theo học đạo Ngài và sẽ hoàn tục trở về với đời sống xưa, Dưới đây là đức Phật trả lời:

« Nay Málunkyaputta, ta có nói với người chẳng: Hãy xuất gia tu phạm hạnh trong đạo Ta, rồi ta sẽ trả lời cho người: Thế giới là thường còn hay thế giới là không thường còn, thế giới là hữu biên hay thế giới là vô biên; Sự sống và thân thể là một hay không phải một; sau khi tạ thế đức Như-Lai tồn tại, hay không tồn tại, cũng tồn tại và cũng không tồn tại, hay không tồn tại và cũng không không tồn tại. »

— Bạch Thế Tôn, không có vậy,

« Nay Málunkyaputta, người có nói với Ta chẳng: Tôi

sẽ xin xuất gia tu phạm hạnh trong đạo Ngài và Ngài sẽ trả lời cho tôi : Thế giới là thường còn hay không thường còn v.v...

— Bạch Thế Tôn, không có vậy.

— Như vậy, Ta không có hứa với người là nếu người xuất gia, Ta sẽ trả lời cho người : « Thế giới là thường, còn v.v... Và người cũng không có nói với Ta : Tôi sẽ xin xuất gia tu phạm hạnh trong đạo Ngài và Ngài sẽ trả lời cho tôi : Thế giới là thường còn v.v... Sự thế đã như vậy, này kẻ mê muội kia, người là ai, và người tuyên bố từ bỏ bài bác cái gì mới được ! Này Mālunkyaputta, nếu có người nói rằng : « Tôi sẽ xuất gia tu phạm hạnh trong đạo của đức Thế-Tôn chỉ khi nào đức Thế-Tôn trả lời cho tôi : « Thế-giới là thường còn hay thế-giới là không thường còn v.v... Này Mālunkyaputta, câu hỏi của người ấy chưa được đức Như Lai trả lời thì người ấy đã phải chết rồi. Này Mālunkyaputta, ví dụ : Có một người bị một mũi tên bắn phải, và mũi tên ấy lại tẩm thuốc độc. Bạn bè quyến thuộc người ấy mời một vị lương y ngoại khoa để chạy chữa. Nhưng người ấy nói rằng : « Không, tôi chỉ nhờ mũi tên này ra khi nào tôi được biết người đã bắn tôi là thuộc về hạng Sát-đế-Ly, hay thuộc hạng Bà-la-Môn, hạng Phệ-Đà hay hạng Thủ-Đà. » Người bị bắn lại nói rằng : « Không, tôi chỉ nhờ mũi tên này khi nào tôi đã biết được người bắn tôi tên là gì, thuộc giòng họ nào ! người bắn mũi tên ấy là da đen hay da xám v.v... ở tại làng nào, huyện nào tỉnh nào, mũi tên làm bằng gì v.v... Này Mālunkyaputta, trước khi người ấy được biết điều người ấy muốn biết tên, thì người ấy đã chết rồi. Cũng vậy, này Mālunkyaputta, nếu có người nói rằng : « Tôi sẽ xuất gia tu phạm hạnh với đức Thế Tôn chỉ khi nào đức Thế Tôn trả lời cho tôi : Thế giới là thường còn hay Thế giới là không thường còn v.v... Này Mālunkyaputta, trước khi người ấy được đức Như Lai trả lời thì người ấy đã phải chết rồi.

Này Málunkyàputta, thật ra sự có mặt của lý thuyết Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường không giúp gì cho sự tu hành phạm hạnh. Này Malunkyàputta, chính sự có mặt của lý thuyết thế giới là thường còn, chính sự có mặt của lý thuyết : Thế giới là vô thường và sanh tồn tại, già tồn tại, chết tồn tại, tru bi khổ nảo tồn tại. Và chính ta đã giảng dạy phương pháp trừ diệt chúng chính trong đời này. (Cũng như vậy, với các lý thuyết : Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên, thân thể với sự sống là một hay không phải một...).

Vậy nên Málunkyàputta, những điều ta đã không tuyên bố, người phải nắm giữ lấy là không tuyên bố, những điều ta đã tuyên bố, người phải nắm giữ lấy là đã tuyên bố. Này Málunkyàputta, những điều gì ta không tuyên-bố : « Này Málunkyàputta, thế giới là thường còn, đó là điều ta không tuyên bố. Thế giới là vô thường, đó là điều ta không tuyên bố. v.v. Này Málunkyàputta, tại sao ta lại không tuyên bố? Này Málunkyàputta, sự tuyên bố ấy không đưa lại lợi ích, không phải là bước đầu tiên của sự tu hành phạm hạnh, không đưa đến chán ghét, ghê tởm, sự diệt trừ, sự an tịnh, không đưa đến thượng tri, Chánh-giác, Niết Bàn, vì vậy Ta không tuyên bố.

« Này Málunkyàputta, những gì Ta tuyên bố? Này Málunkyàputta, đây là Khổ, Này Málunkyàputta, đây là lời ta tuyên bố. Đây là nguyên-nhân của khổ, này Málunkyàputta, đây là lời ta tuyên bố. Đây là diệt khổ, này Málunkyàputta, đó là lời ta tuyên bố. Đây là con đường đưa đến diệt khổ, này Málunkyàputta, đó là lời ta tuyên bố. Này Málunkyàputta, tại sao ta lại tuyên bố những điều ấy. Những điều ấy đưa lại lợi ích là bước đầu tiên của sự tu hành phạm hạnh, đưa đến chán ghét, ghê tởm, diệt trừ, an tịnh đưa đến thượng tri, chánh giác, Niết Bàn, vì vậy Ta tuyên bố những

điền ấy. Nay Málukyàputta, những điều Ta không tuyên bố, người phải nắm giữ lấy là không tuyên bố. Những điều Ta đã tuyên bố, người phải nắm giữ lấy là đã tuyên bố. « Như vậy là lời dạy của đức Phật ». Đại Đức Málunkyàputta hoan hỷ tán thán lời dạy của đức Như Lai ».

Lời Bàn. — Đoạn kinh trên nêu rõ đức Phật chỉ giảng dạy những gì giúp chúng sanh thoát khỏi đau khổ, hướng đến an tịnh giải thoát Niết Bàn, mà thôi. Ngài bỏ qua một bên những lý thuyết về vũ trụ, về nhân sanh, vì những lý thuyết ấy không giúp gì cho người tu hành hướng đến an tịnh giải thoát Niết Bàn. Thái độ của đức Phật rất thiết thực và rõ ràng. Đối với đức Phật, vấn đề có Thượng-Đế hay không, không phải là vấn đề quan trọng, vì dầu Thượng Đế có có hay không, sự đau khổ vẫn đè nặng trên đời sống con người, và loài người vẫn sống trong dục vọng tham sân si phiền não. Tuy vậy, các Phật tử về sau đã quên lời dạy này, họp thành các tôn phái chống báng nhau, công kích nhau, tạo thêm nhiều lý thuyết mới, và quên rằng người Phật tử chỉ là người theo lời dạy đức Phật, thiết thực tu hành theo con đường Ngài đã thực nghiệm và truyền dạy. Vậy điều cần hiện tại của người Phật tử là bỏ qua một bên các biện luận suông, bỏ sự chấp chặt những lý thuyết tôn phái này tôn phái khác thiết thực cố gắng ứng dụng những lời dạy đức Phật trong đời sống hàng ngày của mình, để san bớt dần những dục vọng, giải thoát dần những phiền não. Có vậy mới nhận chân được ý nghĩa lời dạy đức Phật và mới hưởng được sự lợi ích thiết thực của đạo Phật.

THÍCH MINH - CHÂU dịch và bản

tại Nalanda

AI CÙNG TA

Kính tặng những vị Đạo-sĩ

NGUYỄN - THÁI

NHỮNG đêm tối

Dài ôm vũ - trụ

Lòng phơi phơi

Ta cười viễn - du

Nhân - thể triển miên trong giấc ngủ

Ai cùng ta đi trong âm u ?

Bóng đêm dày

Vương thoảng màu sương

Lòng như mây

Ta lên muôn trượng

Nhân - thể triển miên trong giấc ngủ

Ai cùng ta đi trong âm u ?

Sao trên trời

Yên tĩnh mười phương

Nghe vời vời

Âm vờn sáu hướng

Nhân - thể triển miên trong giấc ngủ

Ai cùng ta đi chờ mặt trời ?

Paris 1957

ƯA CÁI ĐẸP

Tặng các em Liên-Hương

Ưa cái đẹp là thông bệnh của chúng sanh, hay nói là nhân loại thì cũng vậy.

Em bé lên ba đã biết ưỡng ngực để khoe áo đẹp, xia chân để khoe giày đẹp, khi mà có ai hỏi: áo đẹp giày đẹp em mô? Bà vú tôi đã ngoài 70 tuổi một hôm tôi khen: Chà, tóc vú bạc như tóc Tiên, đẹp ghê! vú tôi chúm chím cười có vẻ duyên dáng lắm; khi có việc đi dâu vú tôi cũng áo thao mở-gà quần lãnh đen cẩn thận. Khiến tôi nhận thấy tất cả ý-niệm ấy đều là biến hình của cái ưa đẹp cả. Chao ôi! cái tuổi lên ba non sữa, với cái tuổi gần đất xa trời mà cũng còn ưa cái đẹp thiết tha như vậy, huống chi tuổi trẻ? vì thế, tuổi thanh niên sức tráng kiện chừng nào thì lòng ưa cái đẹp cũng tăng cường lên như cái tuổi vậy.

Chà, cái áo này đẹp nhỉ, để tôi cũng may một cái mì được; chiếc vòng này kiểu ngộ quá, tôi có tiền cũng mua một chiếc đã; cho đến cái ô-tô nọ, nhà lầu kia, rồi lại vấn đề người đẹp nữa... hề có địa vị chừng nào thì cái đẹp cũng lên giá ngàn ấy. Nói tóm lại, đã ưa cái đẹp thì muốn cái đẹp về mình, chưa được hay thiếu điều kiện, cũng tìm thiên-phương bách-kế để được cái

đẹp về mình, vì thế mà nhiều khi mất cả nhân-cách địa-vị và thân mạng nữa.

Than ơ! vũ-trụ rộng bao la thì đẹp cũng nhiều vô số, chỉ tiếc 2 tay con người bé nhỏ quá, làm sao ôm tất cả cái đẹp về mình, đề rồi một ngày kia nó cũng cùng mình tan rã? vì tất cả những gì đã có hình tướng đều chịu chung một định luật vô-thường. Người ta dù có tin hay không? thời gian trả lời trong im lặng vậy,

Vả lại, dù cho nhà lầu ô tô người đẹp v.v. có tồn tại đi nữa, nhưng cái đẹp cũng tùy theo quan niệm của mỗi người, nó lại tùy theo phong-trào thế-hệ quốc độ mà thay đổi. Thứ gấm ngũ thê đã lỗi thời không còn đẹp bằng hàng ni-lông, nhưng mai đây chắc chắn ni-lông lại phải nhường bộ cho hứ hàng mới khác, Cho đến sắc đẹp của con người cũng vậy. Nhắc lại cái bài: Một thương tóc bỏ đuôi gà... bốn hương răn lẳng hột huyền kém thua, năm thương cồ lại đeo bùa, sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng... đây là cái đẹp của thời xưa. Song thử tưởng tượng đặt con người đẹp của thời xưa vào bây giờ thì nó sao cho được?

Tất cả trên đây đã cho chúng ta thấy cái đẹp bên ngoài đều là tạm bợ di-dịch cả.

Chỉ có một cái đẹp trường tồn vĩnh-viễn lại chính ở ngay nơi chúng ta, muốn dùng khi nào cũng được, khỏi mất tiền mua không nhọc công tìm kiếm, hiệu chi không biết mà chắc chắn bền lăm, đã không bị thời gian chi-phối, không bị thế hệ đào thải, mà quốc độ phương vực nào cũng đều công nhận là đẹp thật, mà càng dùng lại càng đẹp thêm, như thế sao chúng ta không chịu dùng, mà cứ ao ước hàng ngoại hóa cho lao thần tồn tử?

Chúng ta thử hỏi: có phong trào nào xã-hội nào? thời gian thế hệ quốc độ nào? lại di đào thải hay phủ nhận một ý niệm

từ-bi bác ái, một lời nói dịu hiền khoan dung, một hành động lợi tha nghĩa hiệp? và còn nữa: một cử chỉ êm dịu khi cầm tay một người mù để đưa họ một quãng đường; một lời nói thân mật khi bỏ vào nón bà hành khất một đồng bạc, một thái độ bình tĩnh khi đứng trước mặt người đương sân hận mình; hay niềm nở đón tiếp một người bạn thất nghiệp lỡ thời; hoặc ôn tồn trong câu chuyện với người đến lạc quyên cứu giúp đồng bào về nạn nước lửa v.v... chỉ có bấy nhiêu chúng ta cũng có thể hình dung được cái đẹp của tâm hồn mới không bị phong trào đào thải, thời gian chi phối vậy.

Xưa đời nhà Tống, Ông Hứa-Doãn đậu tiến-sĩ ra làm quan, Ông cũng bị cái bệnh ưa đẹp như ai vậy, mà rủi gặp bà vợ xấu quá, song Ông là nhà khoa học, nên « phụ mẫu chi mệnh » Ông không dám trái. một hôm nhơn ngồi chơi, Ông nhìn bà một lúc bực mình quá, mới hất hàm hỏi kháy bà: đàn bà phải đủ bốn đức, Bà có được mấy đức?

Giọng nói đầy bực tức và khinh bỉ, phải chi gặp người đàn bà khác thì đã xây chuyện to, vì chạm tự ái người là một lỗi nặng nhứt.

Nhưng nàng vẫn dịu dàng lễ phép trả lời:

— Thưa Lang-quân! Đàn bà có 4 đức thiếp nay chỉ kém về dung (nhân sắc kém) mà thôi, nhưng thưa Lang-quân: thiếp trộm nghe kẻ sĩ có trăm hạnh, dám hỏi Lang quân được mấy hạnh?

Hứa-Doãn hết sức ngạc nhiên về tài ứng khẩu của vợ, lại càng phục tánh đằm đạm của nàng. Ông hối hận thái độ bất nhã của mình, nhưng đã trót lỡ nên cũng phải đáp:

— Kẻ sĩ có trăm hạnh, tôi đây đủ cả trăm.

Nàng nhìn chồng chúm chím cười: trăm hạnh của kẻ sĩ thì đức đứng đầu, thiếp thấy Lang-quân hiểu đức không bằng hiểu sắc, sao lại bảo đủ cả trăm hạnh được?

Hứa - Doãn cảm thấy câu nói của vợ rất có ý vị, ông thẹn và nói lảng chuyện khác. Từ đó ông tìm ở bà có nhiều đức tánh đẹp, khi ông làm quan bà cũng giúp chồng nhiều trong công việc trị dân, nên đi đến đâu dân tình đều kính sợ oai ông và mến phục đức của bà. Hai ông bà Hứa-Doãn thật đã không thẹn với 4 chữ «phụ mẫu chi dân». Khi làm đến Tề tướng, vua thưởng cho hai người thiếp đẹp, phu nhân thật lòng yêu thương không ganh ghét như thường tình, nhưng hai người thiếp ý mình có nhan sắc trọn ngày chỉ trang điểm lại xa hoa, hách dịch với kẻ dưới, nên không lâu thì Hứa-Doãn cho về cả. Từ ấy tuổi càng già ông lại trọng bà như người khách quý vậy.

Đọc một câu chuyện ngắn trên đây, đã cho chúng ta thấy cái đẹp của tâm hồn thật là vô giá. Không gian rộng, thời gian dài, vẫn không làm phai phai được cái đẹp của tâm hồn; thế hệ càng lâu xa cái đẹp của tâm hồn càng tô đậm trên sử sách.

Nhưng giá như có người biết ưa cái đẹp của tâm hồn, vậy người ta phải làm thế nào để điều luyện một tâm hồn đẹp?

Tôi xin giới thiệu với các bạn: nội trong 4 chữ «Tứ bi hỷ xả» của đạo Phật, cũng đủ làm phương pháp cho người chịu điều luyện cái tâm hồn vậy.

Thật còn chi đẹp bằng lòng người khi nào cũng muốn đem lại sự an vui cho mọi người mọi vật (từ), còn chi đẹp bằng lòng người khi nào cũng muốn cứu giúp hay làm vơi bớt nỗi đau khổ của người của vật (bi) còn chi đẹp bằng lòng người luôn luôn vui vẻ hay tha thứ những lỗi lầm của kẻ khác (hỷ) và còn chi đẹp bằng, tuy thi ân bố đức cho người mà lòng không cầu người niệm ơn trả ơn (xả).

Chao ôi! một con người đẹp, mà tâm hồn cũng đẹp nữa, thì tướng tượng xã-hội sẽ đẹp biết bao và cái đẹp được như vậy thì mà ai chả ưa cái đẹp?

THÊ - QUÁN

VẤN NHỮNG ĐÊM TRĂNG

« Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh »

Kính tặng tác giả « Những Đêm Trăng »

THU - GIANG

KHÔNG ai là không sợ những đêm đen, vì càng đen tối bao nhiêu người càng có thể dễ gây tội lỗi thêm bấy nhiêu. Trừ những ai muốn đỏi mình, muốn đánh lừa tất cả thế-gian, họ mới tự hào rằng sống không cần những đêm trăng, vì trong đêm tối họ là chủ nhân ông (1) Còn những đêm trăng sáng, một thứ sáng phù-phiếm không bờ-ích gì, mà ánh sáng đó còn soi bóng vào tâm hồn họ nữa, thì làm sao bảo họ thích cho được.

Muốn vào nhà khảo của một phú-gia, anh đạo-chích kia có lẽ cũng phải thẹn thẹn với lòng mình khi thấy bóng mình đi trong đêm trăng sáng, và nhờ vậy, anh đạo-chích kia có thể lám phải quay về, không thực hành được hành-động đen tối của mình. Nội chừng đó thôi, loài người cũng đủ yêu những đêm trăng sáng, khoan nói đến những việc có thể tránh đau khổ cho nhau, và nhờ bao nhiêu sự

đẹp xuất hiện dưới bóng trăng làm cho lòng người vui nhẹ bao nhiêu ưu tư, bao nhiêu oán thù.

Vạn vật trong thế-gian, từ loài hữu tình cho đến loài vô tình, không bao giờ đại khờ thích sống trong lòng đêm đen tối, Chỉ có những con người Tây-Phương, mà tâm-hồn họ nặng trĩu bụi đời, những cõi lòng khác khao vật-chất không bền bền mới không biết thưởng thức những đêm trăng sáng, không biết tắm thề-chất và tâm-hồn vào biển ánh sáng đời. Loài người bao giờ cũng cần những đêm trăng, vì đêm trăng sẽ ban bố sự sống trong sáng cho cuộc đời.

Ôi những đêm trăng ! Những đêm trăng đã làm sống dậy bao nhiêu niềm vui, bao nhiêu tươi đẹp trong đêm đen tối, và bao nhiêu sự thông-cảm được truyền đi xuyên qua không-gian, gần hàn biết bao nhiêu đau thương cho nhân loại, Sự-mạng của trăng thực là vĩ-dại trong cuộc sống nhjep nhòng với loài người.

Từ đông sang tây, nghìn muôn ức triệu cuộc đời về trước, cũng như vô số thế-hệ sau này, không lường tâm-hồn bệnh hoạn, không lường thề-chất suy vong, đã được hàn gắn và nuôi dưỡng bởi những đêm trăng Không có gì đau khổ cho con người hơn, khi thấy chung quanh mình bóng tối tràn ngập mệnh mông ; không có điều gì tuyệt-vọng cho con người hơn, khi thấy sự chết quanh mình bằng đêm dày mù mịt, Sự sống của cuộc đời phải là những đêm trăng, và những đêm trăng mãi mãi phải còn giữa cuộc đời đen tối. Đừng có ai cố tình tàn nhẫn chà đạp những đêm trăng và đừng có ai nhẹ dạ quên đành đoạn những đêm trăng để được sống vào lòng đêm u tối ghê người. khi lòng mình vẫn phải cần rất nhiều ánh sáng, nhất là những tâm-hồn còn vướng bụi trần-gian lại cần hơn Cơm áo nuôi ta sống về thề-chất, ánh trăng sẽ nuôi dưỡng ta bằng tinh thần, vì ánh trăng là lý-tri sáng suốt của loài người muôn thuở.

Đêm tối vô minh đã hiện hình khắp muôn nẻo, đã làm khô héo bao nhiêu cuộc đời, thì ai ơi, chúng ta đại gì đi xuống hố diệt vong !

Nếu chúng ta quay cuồng trong lòng đêm, chúng ta sẽ bị cô-độc. Sự lẻ loi này chính là kết-quả của những hành-động chối từ những đêm trắng, thẹn thuồng trước ánh sáng, dù là một ánh sáng nhỏ như ngọn đèn, cũng sợ không dám thẳng thắn nhìn vào !

Người ơi ! Chúng ta hãy can-dảm cứ đề lòng mình rung động dưới đêm trắng, một thứ rung động chân chính, và nhờ những rung động chân-chính dưới những đêm trắng đã tạo thành cho ta một cuộc đời tươi sáng. Ngày trước, ông Aristote, một triết-gia danh tiếng Âu-tây, đã băn khoăn trong đau khổ, thắc mắc vì thiếu ánh sáng, có lẽ bị sống trong lòng đêm nên ông đã than như thế này giữa cuộc đời : « Je suis né dans L'ignorance J'ai véou dans L'incertitude je neurs dans le doute » Nghĩa là tôi sinh trong mê muội, sống trong hồi hộp, chết trong hoài nghi ! Đứng trước sự đau khổ của một triết-gia bác-học kia, chúng ta biết nghĩ gì đây ? Thì ra, lòng đêm chỉ làm cho lòng người đau khổ, nên trong đêm tối bao giờ người ta cũng cần một tia sáng, một tia sáng nhỏ thôi, cũng đủ cứu được muôn người khỏi đau khổ, thênh thang sống với dòng đời, huống là những đêm trắng.

Dù sao, được duyên lành làm người con Phật, chúng ta hẳn đã tự hào được nằm trong lòng trắng giáo-lý của đức Phật, quan niệm cuộc đời không đau khổ như thế-nhân, vì ngày mai về đâu, nhìn ngay sinh-hoạt hiện tại, chúng ta cũng đủ hiểu rồi. Chúng ta sung sướng cái sung sướng của người đầy đủ ánh sáng tuyệt-đối, chúng ta vinh dự cái vinh dự là người được nằm trong ánh sáng, vì chúng ta là Phật-tử, một đời sống đầy đủ ánh sáng

Ôt, có cảnh nào đẹp hơn, có cảnh nào xinh hơn, và có cảnh nào huyền-diệu nhiệm-mầu hơn, vào một đêm trắng từ thời xa xưa, muốn cho các hàng đệ-tử nhận chân được chân-lý, đức Phật đã hiền từ đưa ngón tay lên chỉ mặt trăng mà dạy rằng :

« Nhất thể Tu-Đa-La giáo như tiêu nguyệt chi ». Nghĩa là tất cả giáo-lý đức Phật dạy ra đều như ngón tay chỉ lên mặt trăng. Ôi mặt trăng / cái đích cứu-cánh của kiếp người ! Ánh trăng hãy hiền từ chiếu xuống trần-gian, tưới mát bao tâm-hồn nhân-loại, giải-thoát bao mờ ám chơ-dòng đời sinh tử.

Lê thè trong đêm dài đen tối, nhờ có lấm thiện duyên chúng ta mới được trở về sống trong những đêm trăng, tâm hồn chúng ta được cởi rộng, lý-irí chúng ta thêm minh-mẫn, vì trăng là chân-lý vô biên là Chánh-Pháp tuyệt-đối, vượt ngoài ngôn ngữ danh-tự, vượt ngoài suy-tưởng phù-phiếm của thế-nhân. Đây là những đêm trăng đạo lý, mà không-gian không thè ngăn cách, thời gian không thè xóa mờ, tùy theo trình độ kiến-thức nông cạn của con người mà thụ hưởng ánh trăng

Người ơi, chúng ta trở về sống với những đêm trăng ! Hãy xa lánh bao lòng đêm đen tối.

Ôi những đêm trăng ! Những đêm trăng đã gây bao niềm hân hoan cho nhân-loại đã gieo muôn vàn sự sống cho cuộc đời

Vinh dự thay, những người đã biết sống qua những đêm trăng !

Đẹp đẽ thay, những dòng sông xuân ngập đầy trăng sáng !

Viết tại Nha-Trang đêm 16-9 Đinh-Dậu
THANH-GIANG

Vì bài vở nhiều, số này tạm nghỉ đăng mục :

« **CHIÊM BÁI PHẬT TÍCH...** »

Mong quý độc-giả hoan hỷ.

L. T. S.

Danh từ :

Phật-Giáo

(Kinh A-Di-Đà)

ĐOAN - HẠNH trích dịch

(Tiếp theo)

Xá lợi. — là tiếng Ấn-Độ, dịch là Thu-lộ, nghĩa là chim Thu Theo ngài Kỳ Thiên Sư thì là chim Xuân Oanh.

Ca-lăng-tần-gia. — là tiếng Ấn-Độ, dịch là Diệu-Âm — tiếng bay — Loài chim này khi bắt đầu ra khỏi vỏ trứng tiếng hót đã hay hơn các loài chim khác.

Cộng-mạng. — một loài chim một thân mà có hai đầu, nghĩa là hai thân thức riêng biệt, mà sống chung một bèo thân.

Ngũ-căn, Ngũ-lực, Thất-bồ-đề-phận, Bát-thánh-đạo-phận. — là những pháp ở trong 7 khoa đạo-phẩm hay 37 phẩm trợ đạo. Ở đây chỉ nói 4 khoa dưới mà lược bớt 3 khoa trên. Nay giải thích đủ cả bảy khoa đạo phẩm!

Tứ niệm xứ. — bốn chỗ nghĩ đến luôn :

a) **Niệm thân bất tịnh.** — nghĩ đến thân mạng không sạch sẽ gì, nó rất bẩn, chỉ là một bao máu mủ tanh hôi.

b) **Niệm thọ thị khổ.** — nghĩ đến sự hưởng thọ của mình đều là khổ.

c) **Niệm tâm vô thường.** — nghĩ đến làm ý của mình nó vô thường thay đổi luôn.

d) **Niệm pháp vô ngã.** — nghĩ đến muôn pháp đều là hư huyền, không phải là thực có.

Tứ chính cần. — bốn sự chơn chính, siêng năng chơn thật.

a) Những việc ác đã sinh rồi phải siêng năng đoạn diệt.

b) Những việc ác chưa sinh phải siêng năng ngăn cấm.

- c) Những việc thiện chưa sinh phải siêng năng làm cho có.
- d) Những việc thiện sinh rồi phải siêng năng làm cho tăng trưởng.

Tứ-như-ý-túc. — bốn phép đủ như ý:

a) **Dục-như-ý-túc.** — quyết định thấy có lợi ích, mong muốn tiến lên.

b) **Niệm-như-ý-túc.** — một lòng nhớ nghĩ luôn đến chính lý.

c) **Tiến-như-ý-túc** — dụng công tinh tiến đến nơi không hề gián đoạn.

d) **Tuệ-như-ý-túc.** — trí tuệ chuyên nghĩ đến chính-lý.

Ngũ-căn. — (năm cội gốc — căn bản).

a) **Tín căn.** — tin chắc chính lý của Tam-Bảo Phật Pháp Tăng là thường trú, là thực có.

b) **Tiến căn.** — đã tin có chính lý ấy rồi, thì dụng công phu tinh tiến cần cầu chứng được, không hề lúc nào dừng nghĩ cả.

c) **Niệm căn.** — lúc nào cũng tưởng niệm đến chính lý ấy, không phút nào quên.

d) **Định căn.** — định tâm chuyên chú vào chính lý ấy, luôn luôn ứng hợp với nhau, không cho tán loạn.

e) **Tuệ căn.** — tâm đã được yên tĩnh phát ra trí-tuệ soi thấy đạo lý ấy, hiện ra rõ ràng.

Ngũ lực. — 5 sức lực hùng mạnh không gì lay chuyển được, là kết quả của năm căn khi đã ăn sâu vào tâm:

a) **Tín lực.** — phá hết nghi ngờ, mê-hoặc, phiền não, tà ma ngoại đạo.

b) **Tiến lực.** — phá hết mọi lười biếng của thân tâm, làm được mọi sự nghiệp xuất thế.

c) **Niệm lực.** — phá hết mọi tà niệm của thế gian, thành tựu được công đức chính niệm xuất thế gian.

d) **Định lực.** — phá hết mọi vọng tưởng điên đảo rối loạn, phát ra cảnh giới thiền-định, yên ổn, vui vẻ, không gì phá nổi.

e) **Tuệ lực.** — phá hết mọi thành kiến, tà ma, cố chấp, phát ra trí tuệ chân chính, trong sạch.

(Còn nữa)

TIN TỨC

TIN TRONG NƯỚC

Lễ trao tặng các bảo vật tại chùa Xá-lợi Sài-Gòn.

Ngày 25-8-1957 lúc 9 giờ 30, Ông S-Gupta Tổng lãnh-sự Ấn-dộ tại Việt-Nam và phu-nhân cùng Ông Khana Tổng thư ký tòa lãnh sự đến tại chùa Xá-lợi, hội quán hội Phật-học Nam-Việt, trao tặng cho Hội một số bảo vật gồm có: 1 ngọn tháp bằng đồng lấy kiểu một ngọn cổ tháp đã tìm lại được dưới đất tại Ấn-dộ hồi thế kỷ thứ 8, (chung quanh ngọn tháp có khắc lịch sử đức Phật từ sơ sanh đến nhập diệt) một tập ảnh bia đá ghi các Phật tích danh tiếng tại xứ Phật; một bức ảnh phóng đại Thủ-tướng Nehru chụp chung với đại-biểu trên 20 nước đến dự lễ Buddha Jayanti tại Tân-đề-Ly hồi tháng 11 năm 1953, (hồi ấy có Đại-biểu Phật-giáo Việt-Nam dự).

Cuộc lễ trao tặng này được cử hành rất long trọng tại chùa Xá-lợi, có trên 1000 hội-viên Phật học và một số đông nhân sĩ tại mắt tại Thủ-đô đến tham dự.

Ông Tổng lãnh sự S-Gupta thay mặt ban tổ chức lễ kỷ niệm « Buddha Jayanti » trao tặng các bảo vật cho hội Phật học Nam-Việt. Ông cho biết đáng lẽ những bảo vật này tặng trong khi các đại biểu đến dự lễ tại Tân-đề-Ly, nhưng theo lời Thủ-tướng Nehru : nên để các tòa lãnh sự trao lại kèm các đại biểu mang về cực nhọc trong khi đi đường. Sau khi tiếp nhận bảo vật, Đạo hữu Hội - Trưởng hội Phật - Học Nam-Việt có đọc bài diễn-văn cảm ơn ban tổ chức cuộc lễ « Buddha Jayanti » Ông Tổng lãnh sự, các quan khách; và Đạo - hữu không quên nhắc nhở mối đạo tình thân mật giữa hai nước Ấn và Việt.

Ba vị Đại - biểu Phật - giáo Việt - Nam đi Ai - lao

Đáp lời mời dự lễ Phật đản 2500 của Chánh - phủ Ai - lao. Phái đoàn Đại biểu Phật giáo Việt - Nam gồm có 3 Thượng tọa Thích Trí-Thủ, Thích Mật-Nguyên và Thích Trí-Quang đã đến phi-trường Wattay vào lúc 15 giờ chiều ngày 3 tháng 11 năm 1957, phái đoàn được ban

tổ chức và Việt-kiều tiếp đón rất long trọng. Phái đoàn có đem những tranh tượng Phật-giáo rất quý giá tặng Phật-giáo và Quốc-Vương Ai-lao Quốc-Vương Ai-lao cũng tặng lại những pháp-khi rất giá trị. Và trong dịp này Đại biểu Phật-giáo V.N có công bố một bức Thông-diệp, nguyên văn bức Thông-diệp đã đăng ở trang đầu trong số L.H. này.

TIN THẾ GIỚI

Ai-Lao: Lễ kỷ niệm Phật-dẫn 2500 và lễ That-Luang năm 1957 tại Ai-lao cử hành rất long-trọng vào những ngày 4, 5, 6, 7, 8-11-1957. có Đại-diện các nước đến tham dự là: Úc, Bỉ, Diến Điện, Cao-Mên, Tích-Lan, Đan-Mạch, Mỹ, Pháp, Ấn-độ, Israel, Ý, Nhật, Népal, Hồi-quốc, Hà-Lan, Phi-luật-Tân, Anh, Thái-Lan và Việt-Nam.

Chuyện lạ ở Thái Lan. Em nhỏ ba tuổi nhớ rõ kiếp trước buộc cha mẹ dẫn đi tìm cha mẹ cũ!

Vọng-Các.— Trong tỉnh Chiang Yobone ở miền đông bắc Thái-Lan, mới đây xảy ra một vụ án kỳ quái làm Cảnh-sát trưởng huyện Chek Cholot không xử được, phải nhờ tới thượng cấp định đoạt.

Một người ở huyện đó là Néang Chung sanh được đứa con tên Choan mới 4 tuổi.

Một hôm, nó lại cho biết cha mẹ thật của nó ở làng Lanthon, tên Nai The và Néang Khung. Thuở xưa, nó có một con gà và một cái khăn bầy giờ xin đưa nó về đó. Nó cứ đòi đi hoài, và khóc lu bù.

Cha mẹ nó bắt đắc dĩ phải đưa đi. Tới làng kia đứa bé liền tuột xuống đi riết tới nhà cha mẹ mà nó nói đó. Thiên hạ xúm lại coi. còn Nai Thek và Néang đương làm ngoài đồng cũng chạy về. Choan chạy lại mừng và hỏi về con gà và cái khăn.

Ai cũng lấy làm lạ và có người cho là em bé nhớ kiếp trước. Vợ chồng Nai Thek mới thuật lại câu chuyện đã có một đứa con 4 tuổi bịnh mới chết, mà quên liệm cái khăn của nó theo. Em bé nhắc chuyện cũ 8 năm trước rất đúng và đòi ở luôn lại đây. Hai bên cha mẹ « mới cũ » không biết làm sao phải đi thưa với nhà chức trách. Song vẫn chưa giải quyết được.

L. S.

Ấn-độ: Chánh-phủ Ấn gần đây đã rước Ngài Giáo thọ Ba-phách chuyên giảng về Phật-Học tại trường Đại học Đức-ly, khóa-trình rất đầy đủ, chẳng những học-sinh trong trường cảm nhiều hứng thú, mà học-sinh các nơi cùng ngoại-quốc đến dự-thính cũng đông.